

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 01 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN III.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, NN&PL XHCN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 9, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG HỖ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Lê Lan Anh	1	-	-	-	Vắng thi
2	Lê Thị Châm Anh	2	41	8.0	Tám	
3	Phạm Thị Vân Anh	3	24	7.5	Bảy rưỡi	
4	Phùng Thị Ánh	4	04	7.5	Bảy rưỡi	
5	Triệu Phúc Bảo	5	58	7.0	Bảy	
6	Trần Thanh Bình	6	34	7.0	Bảy	
7	Nguyễn Thị Cảnh	7	55	7.5	Bảy rưỡi	
8	Nguyễn Quyết Chiến	8	15	7.5	Bảy rưỡi	
9	Liễu Văn Chu	9	48	7.5	Bảy rưỡi	
10	Lý Quang Chuyên	10	32	7.0	Bảy	
11	Phương Thị Dân	11	27	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thị Ánh Đào	12	72	8.0	Tám	
13	Lâm Văn Đức	13	28	7.5	Bảy rưỡi	
14	Bàn Tài Đức	14	85	4.0	Bốn	
15	Đặng Hữu Đức	15	59	7.5	Bảy rưỡi	
16	Trần Thị Ngọc Hà	16	-	-	-	Vắng thi
17	Trịnh Thanh Hà	17	29	8.0	Tám	
18	Nguyễn Thị Thu Hằng	18	06	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Hữu Hiền	19	20	7.0	Bảy	
20	Nông Thị Hiệp	20	42	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Hiếu	21	50	7.5	Bảy rưỡi	
22	Đặng Ngọc Hiếu	22	33	7.5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Như Hoa	23	51	7.5	Bảy rưỡi	



Handwritten signature.

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Lê Thanh Hòa	24	79	6.0	Sáu	
25	Trần Thị Thúy Hoàn	25	53	7.0	Bảy	
26	Lý Thị Hoàn	26	49	8.0	Tám	
27	Âu Thị Hoàn	27	44	7.5	Bảy rưỡi	
28	Bùi Thị Thúy Hồng	28	75	7.5	Bảy rưỡi	
29	Dương Thị Hợp	29	46	7.5	Bảy rưỡi	
30	Nguyễn Thị Huân	30	77	8.0	Tám	
31	Hà Văn Hưng	31	47	7.5	Bảy rưỡi	
32	Dương Văn Huy	32	43	7.0	Bảy	
33	Hoàng Văn Huy	33	13	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Quang Huy	34	83	7.0	Bảy	
35	Triệu Thị Thu Huyền	35	56	7.5	Bảy rưỡi	
36	Trần Thị Minh Huyền	36	37	7.5	Bảy rưỡi	
37	Diệp Thu Huyền	37	40	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lê Duy Khương	38	87	6.5	Sáu rưỡi	
39	Ngô Văn Lâm	39	16	8.0	Tám	
40	Triệu Thị Lan	40	07	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	41	71	7.5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Diệu Linh	42	61	7.5	Bảy rưỡi	
43	Hoàng Thị Linh	43	52	7.0	Bảy	
44	Vũ Thị Kim Loan	44	05	8.0	Tám	
45	Lâm Văn Long	45	02	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Lương	46	11	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Văn Lượng	47	35	7.0	Bảy	
48	Ma Từ Thị Mai Ly	48	39	8.0	Tám	
49	Thân Thị Lý	49	31	8.0	Tám	
50	Đỗ Thị Quỳnh Mai	50	69	8.0	Tám	
51	Lý Quý Minh	51	01	8.0	Tám	
52	Triệu Văn Minh	52	25	7.0	Bảy	
53	Triệu Thị My	53	65	7.0	Bảy	
54	Lăng Thị Mỹ	54	45	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
55	Chu Thị Nga	55	12	7.5	Bảy rưỡi	
56	Hoàng Thị Phương Ngân	56	74	7.5	Bảy rưỡi	
57	Nông Thị Ngọc	57	62	7.5	Bảy rưỡi	
58	Lê Văn Nguyên	58	78	7.0	Bảy	
59	Phạm Thị Nguyệt	59	57	7.5	Bảy rưỡi	
60	Đoàn Thị Nhạn	60	30	7.5	Bảy rưỡi	
61	Lê Hồng Nhíp	61	67	7.0	Bảy	
62	Phạm Thị Trang Nhung	62	84	7.0	Bảy	
63	Bùi Thị Khánh Ny	63	88	7.5	Bảy rưỡi	
64	Ngô Thúy Oanh	64	63	7.5	Bảy rưỡi	
65	Bàn Tài Phú	65	08	7.5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Văn Phước	66	26	7.0	Bảy	
67	Vũ Văn Phước	67	23	7.0	Bảy	
68	Trần Thị Phụng	68	70	7.5	Bảy rưỡi	
69	Bàn Tài Quý	69	22	7.5	Bảy rưỡi	
70	Trần Ngọc Quỳnh	70	14	7.5	Bảy rưỡi	
71	Phạm Huy Sanh	71	36	7.5	Bảy rưỡi	
72	Vũ Thanh Sơn	72	64	7.0	Bảy	
73	Bàn Văn Sơn	73	18	7.0	Bảy	
74	Trịnh Thị Tâm	74	38	7.5	Bảy rưỡi	
75	Dương Văn Thành	75	19	7.0	Bảy	
76	Bàn Trung Thành	76	10	7.0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Thảo	77	09	7.5	Bảy rưỡi	
78	Phạm Thị Phương Thảo	78	17	7.0	Bảy	
79	Kiều Xuân Thịnh	79	21	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Hồng Thoa	80	03	8.0	Tám	
81	Hoàng Thị Hồng Thu	81	80	7.5	Bảy rưỡi	
82	Trần Thị Thương	82	81	7.5	Bảy rưỡi	
83	Lý Thị Thương	83	76	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
84	Nguyễn Thị Bích Thủy	84	60	7.0	Bảy	
85	Phạm Thanh Thủy	85	73	7.0	Bảy	
86	Đỗ Thu Trang	86	68	7.5	Bảy rưỡi	
87	Bàn Trung Tuấn	87	82	7.0	Bảy	
88	Nguyễn Vũ Nhật Tuấn	88	-	-	-	Vắng thi
89	Hoàng Ngọc Tùng	89	89	7.5	Bảy rưỡi	
90	Trần Sơn Tùng	90	86	7.0	Bảy	
91	Trần Thị Tuyết	91	66	7.5	Bảy rưỡi	
92	Ngô Thị Thanh Uyên	92	54	8.0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên